

MỘT SỐ GIẢI PHÁP QUẢN TRỊ MÔ HÌNH TRƯỜNG PHỔ THÔNG DÂN TỘC BÁN TRÚ TỈNH LẠNG SƠN

Hồ Công Liêm^a
Lương Thị Bích Ngà^b

Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Lạng Sơn

^a Email: hocongliem@gmail.com

^b Email: bichngacva@gmail.com

Ngày nhận bài: 10/3/2020

Ngày phản biện: 15/3/2020

Ngày tác giả sửa: 20/3/2020

Ngày duyệt đăng: 25/3/2020

Ngày phát hành: 31/3/2020

DOI:

<https://doi.org/10.25073/0866-773X/389>

Trường phổ thông dân tộc bán trú là trường học đặc thù của các tỉnh miền núi khó khăn, có số lượng người dân tộc thiểu số chiếm tỉ lệ cao. Trong những năm qua, loại hình trường học này luôn được Đảng và Nhà nước đặc biệt quan tâm, đầu tư xây dựng. Học sinh dân tộc bán trú cũng được hỗ trợ bằng những chính sách phù hợp. Tuy nhiên, việc quản trị trường học này trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn – một tỉnh miền núi, có đường biên giới, với điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, còn bộc lộ không ít hạn chế.

Bài viết đề cập tới một số vấn đề liên quan tới công tác quản trị và chất lượng giáo dục của trường phổ thông dân tộc bán trú. Đồng thời, đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả quản trị trường phổ thông dân tộc bán trú trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn, từ đó, góp phần tháo gỡ những khó khăn, tạo điều kiện tốt nhất cho giáo viên và học sinh nâng cao chất lượng giáo dục.

Từ khóa: Giải pháp; Quản trị; Quản trị trường học; Quản trị trường phổ thông dân tộc bán trú.

1. Đặt vấn đề

Mô hình trường phổ thông có học sinh bán trú (HSBT) những năm qua luôn được Đảng và Nhà nước quan tâm. Mỗi giai đoạn khác nhau đều có chính sách hỗ trợ cho HSBT, tuy nhiên mô hình trường học này chưa phát huy tối đa hiệu quả, do còn gặp nhiều khó khăn, bất cập trong công tác quản lý, nuôi và dạy HSBT. Quan tâm tới công tác giáo dục vùng khó khăn, Phó Thủ tướng Trương Vĩnh Trọng tại Hội nghị Ban Chỉ đạo Tây Bắc (Thông báo số 295/TB-VPCP ngày 21/9/2009 của Văn phòng Chính phủ) đã nêu rõ: “Tập trung cao hơn cho công tác giáo dục ở vùng cao, vùng xa; bằng kinh nghiệm thực tiễn ở địa phương và các chính sách đặc thù, tổ chức các hình thức giáo dục phổ thông dân tộc bán trú, đảm bảo cho học sinh các thôn, bản xa trung tâm có điều kiện học phổ thông, tạo nguồn để nâng cao dân trí và đào tạo cán bộ tại chỗ”.

Trước thực tế đó, ngày 2 tháng 8 năm 2010, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) có Thông tư số 24/2010/TT-BGDĐT, ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường phổ thông dân tộc bán trú đã thống nhất tên gọi loại trường này theo Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2005, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục ngày 15 tháng 12 năm 2009 là trường Phổ thông dân tộc bán trú (PTDTBT). Từ đó, trường PTDTBT chính thức ra đời. Việc thành lập và phát triển trường PTDTBT nhằm tăng tỷ lệ huy động học sinh trong độ tuổi tới

lớp, giảm tỷ lệ học sinh bỏ học, nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện và hoàn thành phổ cập giáo dục tiểu học (PCGDTH) đúng độ tuổi, phổ cập giáo dục trung học cơ sở (PCGDTHCS) có chất lượng tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nhằm góp phần tạo nguồn nhân lực cho các vùng này. Đồng thời, tạo nguồn nhân lực có chất lượng, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội bền vững của địa phương trong thời kỳ đổi mới đất nước.

Hiện nay, hệ thống trường PTDTBT đã, đang hình thành và phát triển ở tất cả những vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn trên phạm vi toàn quốc. Trường PTDTBT nằm trong hệ thống các trường chuyên biệt (với ba nhiệm vụ cơ bản: phổ thông, dân tộc và bán trú). Do vậy, thật sự cần thiết xây dựng và đề xuất các giải pháp quản trị mô hình trường PTDTBT tỉnh Lạng Sơn, nhằm cùng các nhà trường tháo gỡ những khó khăn, tạo điều kiện tốt nhất cho giáo viên và học sinh vùng khó khăn, nâng cao chất lượng dạy và học, góp phần đảm bảo cho sự phát triển bền vững.

2. Tổng quan nghiên cứu

Thuật ngữ quản trị đã được giải thích bằng nhiều cách khác nhau và chưa được thống nhất. Mỗi một tác giả khi nhắc tới quản trị đều có một định nghĩa riêng cho mình. Theo Harold Koontz và Cyril O'Donnell thì “Quản trị là thiết lập và duy trì một môi trường mà các cá nhân làm việc với nhau trong từng nhóm có thể hoạt động hữu hiệu

và có kết quả”. Theo Robert Albanese thì “Quản trị là một quá trình kỹ thuật và xã hội nhằm sử dụng các nguồn, tác động tới hoạt động của con người và tạo điều kiện thay đổi để đạt được mục tiêu của tổ chức”. Theo James Stoner và Stephen Robbins: “Quản trị là tiến trình hoạch định, tổ chức, lãnh đạo và kiểm soát những hoạt động của các thành viên trong tổ chức và sử dụng tất cả các nguồn lực khác của tổ chức nhằm đạt được mục tiêu đã đề ra”. Sau khi tham khảo qua một số định nghĩa về quản trị, ta có thể hiểu chung rằng: Quản trị là tiến trình thực hiện các hoạt động nhằm đảm bảo sự hoàn thành công việc qua những nỗ lực của người khác. Quản trị là phối hợp hiệu quả các hoạt động của người cùng chung trong tổ chức. Đây là quá trình nhằm đạt được mục tiêu đã đề ra bằng việc phối hợp nguồn lực của tổ chức. Quản trị còn là quá trình các nhà quản trị hoạch định, tổ chức, lãnh đạo và kiểm tra.

Quản trị nhà trường là việc điều phối công việc để chúng có thể được hoàn thành với hiệu quả cao nhất, bằng và thông qua những lực lượng khác nhau. Đối với giáo dục, các lực lượng đó chính là giáo viên, học sinh, phụ huynh, các tổ chức chính trị xã hội, cơ quan ban ngành, địa phương...

Nói đến chất lượng giáo dục toàn diện đối với các trường học nói chung, có rất nhiều đề tài đã đề cập tới. Tuy nhiên, do hệ thống trường PTDTBT mới được thành lập từ năm 2010, nên việc nghiên cứu đề xuất các giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện của trường PTDTBT chưa có công trình khoa học nào nghiên cứu.

3. Phương pháp nghiên cứu

3.1. Phương pháp nghiên cứu lý luận

Phân tích, tổng hợp, hệ thống hoá, khái quát hoá các văn bản, Chỉ thị, Nghị quyết của Đảng và nhà nước, của ngành, của địa phương; tài liệu khoa học có liên quan đến vấn đề nghiên cứu nhằm xác định hoặc thống nhất các khái niệm, vận dụng các nguyên tắc, quy luật, nội dung quản lý chủ yếu để tiến hành nghiên cứu.

3.2. Phương pháp nghiên cứu thực tiễn

Thu thập thông tin, điều tra, quan sát, phỏng vấn, tổng hợp số liệu, so sánh đối chiếu, khảo nghiệm, từ đó xem xét sự cần thiết và tính khả thi của các giải pháp.

4. Kết quả nghiên cứu

4.1. Thực trạng công tác quản trị mô hình trường phổ thông dân tộc bán trú tỉnh Lạng Sơn

4.1.1. Công tác dạy và học

4.1.1.1. Đối với giáo viên

Các nhà trường thực hiện nghiêm túc kế hoạch dạy học, thực hiện đổi mới công tác sinh hoạt tổ chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học, tổ chức hội giảng cấp trường, cấp huyện nhằm nâng cao chất lượng và tỷ lệ giáo viên khá giỏi; tổ chức

các buổi hội thảo về giáo dục kỹ thuật tích cực, hướng dẫn học sinh phương pháp tự học, đặc biệt hội nghị chuyên đề dành riêng cho giáo viên về việc nâng cao chất lượng giáo dục học sinh dân tộc thiểu số (HSDTTS). Ngoài các môn chính khóa, các trường còn tổ chức dạy học bộ môn giáo dục quốc phòng - an ninh, tổ chức hoạt động ngoài giờ lên lớp, hoạt động hướng nghiệp, tăng cường giáo dục kỹ năng sống và giá trị sống cho HSBT.

Song bên cạnh những nỗ lực của đội ngũ cán bộ quản lý (CBQL) và giáo viên, cũng phải thừa nhận các nhà trường còn thiếu kinh nghiệm và nhân lực trong việc tổ chức các hoạt động giáo dục, chăm sóc nuôi dưỡng, quản lý HSBT. Một số CBQL, giáo viên chưa thực sự tâm huyết, các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp chưa thực sự chất lượng. Còn không ít giáo viên chưa có ý thức vận dụng linh hoạt, sáng tạo việc đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá kết quả học tập của học sinh, việc ứng dụng công nghệ thông tin vào giảng dạy còn hạn chế; còn ngại đổi mới, ngại sưu tầm thông tin, tư liệu để đưa vào giảng dạy; kỹ năng, kỹ thuật lên lớp và kỹ năng làm việc với trẻ còn chưa phong phú; sự hợp tác với đồng nghiệp còn hạn chế.

Chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên còn chưa đồng đều, còn một số giáo viên chưa đạt chuẩn đào tạo. Kết quả thực hiện nhiệm vụ giáo dục của nhiều giáo viên chưa tương xứng với trình độ đào tạo, một số ít giáo viên còn hạn chế về chuyên môn nghiệp vụ, chưa thực sự tâm huyết và có trách nhiệm đối với HSDTTS.

4.1.1.2. Đối với học sinh

Do điều kiện sống của đồng bào dân tộc vùng cao, vùng sâu còn rất nhiều khó khăn, thiếu thốn, phần lớn học sinh phải phụ giúp cha mẹ, gia đình lo miếng cơm manh áo, nên chưa có thời gian đầu tư cho việc học hành; nhiều học sinh còn mặc cảm, rụt rè, chưa tự tin nên ảnh hưởng không nhỏ đến chất lượng giáo dục toàn diện.

Học sinh PTDTBT chưa có phương pháp học tập hiệu quả, còn rụt rè, chưa mạnh dạn trao đổi với bạn bè và thầy cô khi chưa hiểu bài. Đội ngũ giáo viên còn hạn chế về kinh nghiệm hướng dẫn học sinh phương pháp tự học.

Chất lượng giáo dục toàn diện, chất lượng điểm thi tuyển sinh vào các cấp học trên còn thấp so với yêu cầu. So với mặt bằng chung của cấp học thì tỷ lệ học sinh khá giỏi còn thấp. Tuy nhiên, một số trường đã xuất hiện học sinh giỏi cấp huyện, cấp tỉnh về văn hóa và năng khiếu. Chất lượng giáo dục hai mặt của các trường PTDTBT dần được tăng lên, tỷ lệ học lực khá giỏi và hạnh kiểm tốt, khá tăng, đồng thời giảm tỷ lệ học sinh có học lực trung bình, yếu.

Tuy vậy, chất lượng giáo dục của các trường PTDTBT nhìn chung còn thấp hơn nhiều so với mặt

bằng chung của tỉnh.

4.1.2. Công tác chăm sóc, nuôi dưỡng học sinh bán trú

Các nhà trường đã chú ý hơn tới công tác chăm sóc, nuôi dưỡng học sinh và đã có những chuyển biến rõ nét, nhất là ở các trường PTDTBT. Việc thực hiện chế độ chính sách đối với HSDTTS đầy đủ, đúng quy định.

Dưới nhiều hình thức khác nhau, các trường PTDTBT đã hướng dẫn học sinh biết cách chăm sóc sức khỏe cho bản thân, thực hiện nếp sống văn minh nơi công cộng; chú trọng giáo dục tinh thần đoàn kết, sống hòa hợp giữa các dân tộc, tham gia các hoạt động văn nghệ, thể dục thể thao.

Tuy nhiên, công tác chăm sóc, nuôi dưỡng và dạy HSBT tại các trường PTDTBT còn gặp phải không ít khó khăn, hạn chế. Về phía học sinh, do tập quán sinh hoạt của đồng bào các dân tộc vùng cao còn chưa thật vệ sinh nên học sinh còn thiếu các kỹ năng cần thiết để tự chăm sóc bản thân và thích nghi với cuộc sống tập thể. Điều này hạn chế không nhỏ đến việc học tập và sinh hoạt của các em khi học bán trú.

Về phía nhà trường, hình thức tổ chức hoạt động giáo dục còn chưa thật phong phú, cách thức tổ chức còn chưa thật hiệu quả do năng lực quản lý và khả năng hướng dẫn học sinh của cán bộ giáo viên còn hạn chế. Các nhân viên nhà trường (y tế, cấp dưỡng) chưa phát huy được hết khả năng chuyên môn trong việc chăm sóc sức khỏe học đường và đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm cho học sinh.

4.1.3. Công tác tổ chức các hoạt động vui chơi, giáo dục kỹ năng sống, giá trị sống cho học sinh bán trú

4.1.3.1. Giáo dục kỹ năng sống (KNS), giá trị sống (GTS)

Các nhà trường đã quan tâm tổ chức cho học sinh tìm hiểu và trao đổi trong các tiết hoạt động ngoài giờ lên lớp, các buổi sinh hoạt tập thể. Giáo viên chủ nhiệm phối hợp tốt với cha mẹ học sinh để tăng cường giáo dục KNS, GTS cho các em. Các tổ chức trong nhà trường đã xây dựng các hoạt động tập thể giúp các em phát huy tính tích cực, chủ động và rèn luyện KNS. Các nội dung giáo dục được lồng ghép trong các tiết học với hình thức phù hợp. Việc rèn KNS cho học sinh thông qua các hoạt động sẽ giúp các em chủ động, tự tin trong giao tiếp, biết xử lý các tình huống đơn giản trong cuộc sống. Dù vậy, các em HSDTTS vẫn còn biểu hiện nhút nhát, ngại giao tiếp, chưa mạnh dạn chia sẻ về tâm sinh lý lứa tuổi với thầy cô và bạn bè.

4.1.3.2. Tổ chức lao động, tăng gia sản xuất

Một số ít trường đã chú ý tổ chức cho học sinh lao động hằng ngày, hằng tuần làm hàng rào, trồng cây xanh, vườn hoa, cây cảnh... tạo môi trường cảnh quan nhà trường, phòng ở nội trú xanh - sạch - đẹp.

Tổ chức cho học sinh tận dụng diện tích đất hiện có hoặc thuê, mượn người dân để trồng và chăm sóc vườn rau, nuôi lợn, gà, ngỗng... vừa rèn luyện KNS cho học sinh vừa góp phần cải thiện bữa ăn hằng ngày cho các em, tránh việc các em ở cả ngày tại trường không lao động.

Chất lượng giáo dục các trường phổ thông sau khi chuyển đổi thành trường PTDTBT được nâng lên rõ rệt và có nhiều chuyển biến tích cực. Việc duy trì sĩ số học sinh, tình trạng học sinh nghỉ học, bỏ học đã giảm đáng kể. Môi trường sinh hoạt tập thể giúp các em HSDTTS có điều kiện học tập và tham gia các hoạt động tốt hơn, tiếp cận các vấn đề nhanh hơn, chất lượng tiếng Việt của HSDTTS tại các trường PTDTBT được nâng lên rõ rệt.

Tuy nhiên, kết quả học tập của học sinh trường PTDTBT còn thấp so với mặt bằng chung; công tác chăm sóc, nuôi dưỡng và dạy HSBT còn có những hạn chế nhất định.

4.2. Một số giải pháp quản trị mô hình trường phổ thông dân tộc bán trú tỉnh Lạng Sơn

4.2.1. Chú trọng công tác tuyên truyền tới địa phương và đồng bào các dân tộc miền núi về chủ trương chính sách của nhà nước về phát triển hệ thống trường phổ thông dân tộc bán trú.

Để công tác tuyên truyền đạt hiệu quả, nhà trường cần giữ mối quan hệ chặt chẽ với địa phương để có sự chỉ đạo và phối hợp đồng bộ trong công tác tuyên truyền, vận động phụ huynh tạo điều kiện tốt nhất cho học sinh được đến trường học tập, góp phần duy trì, ổn định sĩ số học sinh trong trường học. Bên cạnh đó, phải nắm chắc tình hình, nguyên nhân học sinh bỏ học và có giải pháp khắc phục tình trạng này.

Mặt khác, HSBT đến từ các dân tộc, các vùng khác nhau nên các em đem theo những phong tục, tập quán của dân tộc mình đến trường, tạo nên một không khí sinh hoạt trong trường PTDTBT rất đa dạng. Vì vậy, nhà trường cần xem xét, nghiên cứu kỹ những vấn đề liên quan tới văn hóa, phong tục của cộng đồng để xây dựng những nội quy, quy định trong trường, trong khu ở nội trú, trong sinh hoạt hằng ngày... cho phù hợp với HSBT.

Tăng cường công tác giáo dục tư tưởng chính trị cho CBQL, giáo viên về vai trò, nhiệm vụ và sứ mệnh của người cán bộ, giáo viên làm công tác giảng dạy tại vùng dân tộc thiểu số; cần tổ chức cho đội ngũ cán bộ, giáo viên làm công tác tuyên truyền đến thôn, bản; chú trọng bảo tồn văn hóa dân tộc.

4.2.2. Chỉ đạo thực hiện đúng, đủ và kịp thời chính sách hỗ trợ đối với học sinh bán trú đảm bảo học sinh bán trú được đáp ứng theo phương châm 3 đủ (đủ ăn, đủ mặc và đủ sách học)

Hiệu trưởng trường PTDTBT cần nắm rõ các văn bản quy định hiện hành đang có hiệu lực về chế độ chính sách đối với CBQL, giáo viên, học sinh và

trường PTDTBT để xây dựng kế hoạch ngân sách hàng năm cho sát với thực tế và đảm bảo đầy đủ, kịp thời chế độ của nhà nước tới học sinh và giáo viên. Các chế độ chính sách phải được nhà trường công khai, minh bạch. Căn cứ chính sách của nhà nước, nhà trường bàn với phụ huynh học sinh kế hoạch chi tiêu hợp lý, trang bị cho học sinh những vật dụng cần thiết, làm tốt công tác xã hội hóa... đảm bảo “3 đủ” cho HSBT: Đủ ăn, đủ mặc và đủ sách học.

Trước tình hình khó khăn cấp bách về điều kiện ăn, ở sinh hoạt của HSBT, theo thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp huyện, cần ban hành các văn bản quy định chính sách hỗ trợ HSBT, chế độ đãi ngộ đối với cán bộ giáo viên phụ trách bán trú, hợp đồng cấp dưỡng nấu ăn cho HSBT. Sự hỗ trợ kịp thời, tích cực của chính quyền địa phương đối với các trường PTDTBT rất cần được duy trì và phát huy, để góp phần làm ổn định, bền vững hoạt động của nhà trường, động viên tinh thần cán bộ, giáo viên, đảm bảo sinh hoạt và học tập cho các em học sinh.

4.2.3. Tăng cường tập huấn nâng cao năng lực cho cán bộ quản lý, giáo viên về việc tổ chức các hoạt động của trường phổ thông dân tộc bán trú và phương pháp giảng dạy các nội dung giáo dục đặc thù trong trường phổ thông dân tộc bán trú

Hàng năm, tổ chức cho CBQL và giáo viên tập huấn các nội dung giáo dục đặc thù như: Tổ chức các bếp ăn đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm, hướng dẫn học sinh ăn, ngủ, sinh hoạt hàng ngày, học trên lớp, học tại phòng, biết cách tự chăm sóc sức khỏe, vệ sinh cá nhân, biết chia sẻ và chăm sóc bạn cùng phòng khi ốm đau; quan tâm đến công tác giáo dục giới tính, tư vấn cho học sinh những kiến thức cần thiết về tâm sinh lý lứa tuổi.

Xây dựng kế hoạch và triển khai tập huấn chuyên môn, phương pháp dạy học phù hợp với đối tượng học sinh; tổ chức cho giáo viên được học tiếng dân tộc để có thể giao tiếp được với học sinh, phụ huynh. Giáo viên cần tìm hiểu rõ hoàn cảnh của học sinh, tư vấn cho cha mẹ học sinh về cách thức nuôi dạy con phù hợp với tâm sinh lý lứa tuổi.

Chú ý phát hiện những học sinh có năng khiếu hoạt động, năng nổ, nhiệt tình tham gia các hoạt động, tùy theo sở trường mà phân công nhiệm vụ để các em phát huy khả năng. Mặt khác, cần động viên khuyến khích những học sinh rụt rè, nhút nhát, thiếu tự tin tham gia các hoạt động chung, nhà trường phân công giáo viên hướng dẫn giúp đỡ để các em nhanh chóng hòa nhập.

4.2.4. Đẩy mạnh chỉ đạo thực hiện đổi mới phương pháp dạy học, phương pháp kiểm tra, đánh giá; tích cực đổi mới phương pháp quản lý; phát huy công tác tự kiểm tra của đơn vị

4.2.4.1. Đổi mới phương pháp dạy học

Yêu cầu giáo viên chủ động thiết kế bài giảng

linh hoạt, khoa học, sắp xếp hợp lý các hoạt động của giáo viên và học sinh; phối hợp tốt giữa làm việc cá nhân và theo nhóm; chú trọng công tác phụ đạo học sinh chưa đạt chuẩn. Bên cạnh đó, phải nắm chắc tình hình, nguyên nhân học sinh bỏ học và có giải pháp khắc phục tình trạng này; vận động nhiều lực lượng tham gia nhằm duy trì sỹ số.

Giáo viên cần hướng dẫn học sinh rèn luyện phương pháp và kỹ năng tự học, tự nghiên cứu sách giáo khoa và tài liệu tham khảo. Hướng dẫn học sinh nội dung, phương pháp tự học (học cá nhân, học theo nhóm), rèn luyện các kỹ năng tự học (ghi chép, nhớ, đặt câu hỏi, tự kiểm tra...), kỹ năng khai thác tài liệu, sách giáo khoa. Đồng thời hỗ trợ, giải thích các vấn đề về kiến thức phổ thông cho học sinh khi cần thiết. Gắn trách nhiệm của giáo viên chủ nhiệm với việc quan tâm, chăm sóc và giáo dục KNS cho các em HSBT.

Ban giám hiệu xây dựng kế hoạch dự giờ giáo viên từ đầu năm học, đảm bảo mỗi tuần mỗi thành viên trong ban giám hiệu dự giờ ít nhất 2 tiết, trong đó đặc biệt quan tâm dự giờ giáo viên trẻ, giáo viên mới ra trường, giáo viên dạy buổi 2, sau dự giờ cần trao đổi, góp ý về mặt phương pháp, tổ chức của giờ dạy để rút kinh nghiệm cho những tiết dạy sau.

Tổ chức dạy học 2 buổi/ngày, dạy học tăng thời lượng, dạy phụ đạo, bồi dưỡng cho học sinh phù hợp với điều kiện cơ sở vật chất hiện có.

Thực hiện các nội dung giáo dục đặc thù: giáo dục giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc, giáo dục tinh thần đoàn kết giữa các dân tộc trong trường học, giáo dục KNS cho học sinh khi phải xa gia đình, giáo dục hướng nghiệp và dạy nghề truyền thống của các dân tộc, bồi dưỡng tiếng Việt cho HS DTTS.

Nội dung giáo dục phải thiết thực, gắn với đời sống văn hóa, tinh thần và vật chất, phù hợp với học sinh trường PTDTBT nhằm nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm của HS DTTS với cộng đồng dân tộc của mình và nâng cao chất lượng học tập nói chung cho HSBT.

4.2.4.2. Đổi mới kiểm tra, đánh giá

Giáo viên cần hướng dẫn học sinh cách học, cách làm bài kiểm tra để đáp ứng đổi mới. Đối với các môn khoa học xã hội và nhân văn cần tăng cường ra các câu hỏi vận dụng kiến thức thực tiễn. Thực hiện nghiêm túc việc xây dựng ma trận đề kiểm tra cho mỗi chương và cả chương trình môn học; tăng cường ra câu hỏi kiểm tra để bổ sung cho thư viện câu hỏi của trường. Khi chấm bài kiểm tra phải có phần nhận xét, động viên sự cố gắng tiến bộ của học sinh. Việc cho điểm có thể kết hợp giữa đánh giá kết quả bài làm với theo dõi sự cố gắng, tiến bộ của học sinh. Chú ý hướng dẫn học sinh cách đánh giá lẫn nhau và biết tự đánh giá năng lực của mình.

Tập trung chỉ đạo thực hiện các giải pháp tích cực đổi mới đồng bộ phương pháp dạy học và kiểm

tra đánh giá.

4.2.4.3. *Đổi mới quản lý và thực hiện hiệu quả công tác kiểm tra nội bộ*

Do hệ thống trường PTDTBT còn mới, việc quản lý, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ của một số CBQL còn nhiều lúng túng nên Sở GDĐT hàng năm phải tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra công tác chỉ đạo của các Phòng GDĐT huyện, công tác quản lý của các nhà trường.

Nhà trường xây dựng kế hoạch kiểm tra nội bộ, phân công lãnh đạo phụ trách các tổ chuyên môn thực hiện đầy đủ, nghiêm túc và hiệu quả công tác kiểm tra nội bộ. Lãnh đạo nhà trường tích cực kiểm tra và thường xuyên cập nhật thông tin, theo dõi, đánh giá kết quả của việc đổi mới phương pháp dạy học và đổi mới kiểm tra đánh giá tại đơn vị.

4.2.5. *Nâng cao chất lượng đội ngũ*

Hàng năm, tổ chức khảo sát, đánh giá, nhận xét giáo viên bằng nhiều hình thức như: bài kiểm tra năng lực chuyên môn, dự giờ, kiểm tra hồ sơ chuyên môn, nhận xét của học sinh (thông qua phiếu hỏi)... qua đó, phân loại, rà soát năng lực giáo viên để có kế hoạch bồi dưỡng cụ thể.

Tăng cường công tác bồi dưỡng thường xuyên đối với giáo viên, tổ chức cho giáo viên viết thu hoạch, thực hiện đánh giá kết quả bài thu hoạch, đưa vào nhận xét giáo viên cuối năm. Bản thân mỗi giáo viên không ngừng học tập nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, cải tiến phương pháp dạy học; khích lệ, động viên học sinh sáng tạo, đam mê nghiên cứu, tìm tòi, đặc biệt là giáo viên cần bồi dưỡng các kỹ năng giao tiếp với trẻ.

Tập trung đổi mới sinh hoạt chuyên môn của tổ/nhóm chuyên môn thông qua hoạt động nghiên cứu bài học, tăng cường giúp đỡ vì sự tiến bộ của các thành viên trong tổ thông qua trao đổi, thảo luận về các chủ đề, nội dung giảng dạy, rút kinh nghiệm, tháo gỡ những khó khăn vướng mắc trong giảng dạy. Mặt khác, đây cũng là dịp để đội ngũ giáo viên được tham gia làm việc nhóm, tăng khả năng tổ chức các hoạt động, các kỹ thuật dạy học.

Lãnh đạo các nhà trường tăng cường kiểm tra việc tiến hành sinh hoạt tổ chuyên môn (nội dung sinh hoạt, tần số sinh hoạt, hiệu quả các buổi sinh hoạt chuyên môn...), từ đó nắm bắt nhu cầu cần thiết để tạo điều kiện tối đa cho các tổ chuyên môn thực hiện nhiệm vụ.

Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện phong trào giáo viên giúp đỡ đồng nghiệp phát triển. Giao nhiệm vụ cho mỗi giáo viên khá, giỏi hướng dẫn, giúp đỡ ít nhất 01 đồng nghiệp tiến bộ về chuyên môn, chủ nhiệm và các công tác khác; chú ý giúp đỡ giáo viên trẻ, giáo viên mới ra trường

Yêu cầu các phòng giáo dục huyện tăng cường chỉ đạo việc tổ chức thao giảng, hội giảng cấp

trường, qua đó tiếp tục bồi dưỡng đội ngũ tham dự hội giảng cấp huyện, cấp tỉnh. Đối với các đợt thao giảng, 100% giáo viên phải tham gia, được tổ dự giờ, đánh giá, rút kinh nghiệm. Việc tổ chức thao giảng, hội giảng gắn với việc đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá nhằm khích lệ, động viên học sinh chủ động tiếp thu kiến thức, đánh giá được trình độ năng lực hiểu biết của mình và của bạn cùng học.

Chỉ đạo tổ chức sinh hoạt cụm chuyên môn đạt hiệu quả, không hình thức. Những vấn đề nêu ra trong sinh hoạt cụm là vấn đề thiết thực, gắn liền với công tác giảng dạy của các trường trong cụm. Quan tâm chỉ đạo, tổ chức hội thảo hướng dẫn học sinh phương pháp tự học. Xây dựng nền nếp học tập, nâng cao tinh thần tự giác của học sinh, nhất là vào buổi chiều và tối, phân công giáo viên chăm sóc và hướng dẫn các em học tập hiệu quả. Các phòng GDĐT huyện chú ý bồi dưỡng cho CBQLGD năng lực tổ chức điều hành các buổi sinh hoạt cụm chuyên môn.

4.2.6. *Tăng cường giáo dục kỹ năng sống, giá trị sống, kỹ năng thực hành, ý thức trách nhiệm xã hội cho học sinh dân tộc thiểu số*

Tổ chức bồi dưỡng kỹ năng công tác giáo viên chủ nhiệm lớp cho tất cả giáo viên của đơn vị. Yêu cầu mọi giáo viên phải tự học, tự bồi dưỡng kỹ năng về công tác chủ nhiệm lớp. Chỉ đạo 100% các nhà trường thành lập hội đồng giáo viên chủ nhiệm, tổ chức họp định kì theo đúng quy chế. Tổ chức các hội nghị, hội thảo về công tác chủ nhiệm, về phương pháp giáo dục kỹ luật tích cực, giáo dục đạo đức lối sống, KNS.

Hướng dẫn và tạo điều kiện cho các lớp trong nhà trường được hoạt động theo mô hình “lớp học yêu thương”; bồi dưỡng cho giáo viên phương pháp làm việc với phụ huynh học sinh và với cộng đồng (địa phương, các tổ chức xã hội...). Đây là một trong những yêu cầu quan trọng, hỗ trợ cho giáo viên trong quá trình làm công tác chủ nhiệm cũng như các nhiệm vụ khác.

Qua đó, giáo viên sẽ giúp đỡ được học sinh dân tộc thiểu và ý thức được trách nhiệm của mình với cộng đồng, với xã hội.

Việc phân công nhiệm vụ cần phù hợp với năng lực chuyên môn và sở trường của mỗi giáo viên; đặc biệt ưu tiên cho các lớp đầu mỗi cấp học là những giáo viên có tinh thần trách nhiệm cao, tâm huyết và thương yêu học sinh. Mỗi giáo viên luôn ý thức sâu sắc về tính chất đặc thù của trường PTDTBT, nắm bắt và chia sẻ với hoàn cảnh của học sinh, động viên và giúp đỡ các em vượt khó tới trường. Trong sinh hoạt thường ngày, giáo viên cần yêu thương và chăm lo đời sống của học sinh qua việc quan tâm, chỉ bảo cho các em học sinh ý thức giữ gìn vệ sinh cá nhân, giữ gìn vệ sinh chung, KNS tập thể và bảo

vệ bản thân.

Lồng ghép trong các giờ học, giờ sinh hoạt lớp hoặc tổ chức riêng các buổi trao đổi, hướng dẫn học sinh kỹ năng chăm sóc bản thân, chăm sóc sức khỏe sinh sản; kỹ năng phòng, chống xâm hại, kỹ năng chống đuối nước và tránh các tai nạn, thương tích. Đặc biệt cần chú ý giáo dục cho học sinh các kỹ năng bảo đảm an toàn trên đường tới trường và đi về hàng ngày, hàng tuần. Ngoài giờ học, với trường bán trú có học sinh ở lại nội trú, nhà trường cần phân công giáo viên quản lý, hướng dẫn các em lao động thêm trong phạm vi nhà trường.

4.2.7. Tích cực thi đua, nhân rộng điển hình

Đề nâng cao chất lượng của mô hình trường PTDTBT, Sở GDĐT tiếp tục chỉ đạo thực hiện tốt công tác nghiên cứu khoa học, có các sáng kiến cải tiến trong công tác quản lý, chỉ đạo; đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá; công tác giáo dục đạo đức lối sống, KNS cho HSĐTTS ở loại hình trường này.

Tiếp tục thực hiện hiệu quả các phong trào thi đua, đưa hoạt động dạy học vào kỷ cương, nền nếp nhằm tạo ra môi trường sư phạm lành mạnh, đoàn kết. Chú trọng công tác nâng cao nhận thức, lương tâm nghề nghiệp, yêu thương học sinh cho cán bộ, giáo viên, nhân viên trong nhà trường; nhân rộng điển hình những tấm gương nhà giáo vượt khó hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

Thành lập câu lạc bộ các trường PTDTBT trên địa bàn huyện để cùng nhau trao đổi, giúp nhau tháo gỡ những khó khăn bất cập trong quá trình chỉ đạo, điều hành, thi đua thực hiện tốt nhiệm vụ: chăm sóc, nuôi dưỡng và dạy học.

5. Thảo luận

Những giải pháp trên đây đã và đang được thực hiện trong quá trình xây dựng, củng cố và phát triển hệ thống trường PTDTBT tỉnh Lạng Sơn. Hiện nay, sau gần 10 năm thực hiện, toàn tỉnh Lạng Sơn có 99 trường PTDTBT được thành lập đã đi vào hoạt động ổn định, đảm bảo kỷ cương, nền nếp trong công tác tổ chức chăm sóc, nuôi dưỡng, công tác dạy và học, bước đầu đã thu được kết quả đáng ghi nhận. Sau 10 năm thực hiện, kết quả chất lượng giáo dục đại trà và chất lượng giáo dục mũi nhọn của các trường PTDTBT trong tỉnh có chuyển biến tích cực tăng

so với những năm học trước. Kết quả học tập của học sinh đã cho thấy được sự cố gắng của đội ngũ CBQL, giáo viên và học sinh các trường PTDTBT đáp ứng mong mỏi của nhân dân các dân tộc trên địa bàn tỉnh.

6. Kết luận

Trường PTDTBT là mô hình trường học đặc thù ở vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Trường được thành lập cho con em các dân tộc thiểu số định cư lâu dài trên địa bàn nhằm góp phần tạo nguồn đào tạo cán bộ cho các vùng này. Mô hình giáo dục này phù hợp với điều kiện kinh tế, xã hội và nhu cầu giáo dục của các tỉnh miền núi, phù hợp với nhu cầu học tập và sinh hoạt của học sinh dân tộc thiểu số.

Thực trạng của các trường PTDTBT hiện nay cho thấy đây là một trong những giải pháp hiệu quả của vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, trong đó có tỉnh miền núi Lạng Sơn. Dù vậy, cho tới nay việc quản lý hiệu quả và nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện của các trường PTDTBT vẫn còn nhiều khó khăn, đòi hỏi sự quan tâm của các cấp, các ngành, ý thức trách nhiệm, tâm huyết và lòng yêu nghề mến trẻ ở các CBQLGD và đội ngũ giáo viên nhà trường.

Trong phạm vi bài viết này, chúng tôi đề xuất một số giải pháp nhằm quản trị mô hình trường PTDTBT tỉnh Lạng Sơn nhằm đạt hiệu quả tối ưu trong công tác giáo dục toàn diện. Trong đó, chú trọng công tác tuyên truyền để địa phương và đồng bào các dân tộc miền núi hiểu được chủ trương chính sách của nhà nước về phát triển trường PTDTBT và HSBT. Chỉ đạo thực hiện đúng, đủ và kịp thời chính sách hỗ trợ đối với HSBT theo quy định của Chính phủ. Tăng cường tập huấn nâng cao năng lực cho CBQL, giáo viên về việc thành lập và tổ chức các hoạt động của trường PTDTBT, phương pháp giảng dạy các nội dung giáo dục đặc thù. Tăng cường chỉ đạo thực hiện đổi mới phương pháp dạy học, phương pháp kiểm tra, đánh giá; phát huy công tác tự kiểm tra của đơn vị, tích cực đổi mới công tác quản lý. Nâng cao chất lượng đội ngũ, tăng cường giáo dục KNS, GTS, kỹ năng thực hành, ý thức trách nhiệm xã hội cho HSĐTTS; nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện của hệ thống trường PTDTBT nói riêng và chất lượng giáo dục phổ thông nói chung trong toàn tỉnh./.

Tài liệu tham khảo

Bộ Giáo dục và Đào tạo. *Thông tư số 59/2008/TT-BGDĐT ngày 31 tháng 10 năm 2008, hướng dẫn định mức biên chế sự nghiệp giáo dục ở các trường chuyên biệt công lập.*, (2008).

Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2010a). *Tài liệu tập huấn triển khai chuẩn nghề nghiệp giáo viên THCS, giáo viên THPT.* Hà Nội: Nxb. Đại học Sư phạm Hà Nội.

Bộ Giáo dục và Đào tạo. *Thông tư số 24/2010/TT-BGDĐT ngày ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường phổ thông dân tộc bán trú.*, (2010).

Bộ Giáo dục và Đào tạo. *Thông tư số 58/2011/TT-BGDĐT ngày 12/12/2011 ban hành Quy chế đánh giá, xếp loại học sinh THCS và học sinh THPT.*, (2011).

- Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2012a). *Hiệu trưởng trường Trung học với vấn đề giáo dục giá trị sống, kỹ năng sống và giao tiếp ứng xử trong quản lý*. Hà Nội: Nxb. Đại học Sư phạm Hà Nội.
- Bộ Giáo dục và Đào tạo. *Quyết định số 4763/QĐ-BGDĐT ngày 01/11/2012 của Bộ trưởng Bộ GDĐT về việc phê duyệt Đề án "Xây dựng trường phổ thông đổi mới đồng bộ phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá kết quả giai đoạn 2012-2015"*. , (2012).
- Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2012c). *Tài liệu hỏi đáp về phương pháp Bàn tay nặn bột*. Hà Nội: Nxb. Lao động.
- Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2012d). *Tài liệu Tập huấn - Hội thảo bồi dưỡng cán bộ quản lý trường trung học phổ thông chuyên*. Tài liệu lưu hành nội bộ.
- Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Nội vụ, & Bộ Tài chính. *Thông tư liên tịch số 06/2007/TTLT-BGDĐT-BNV-BTC ngày 27 tháng 3 năm 2007 Hướng dẫn thực hiện Nghị định số 61/2006/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm 2006 của Chính phủ*. , (2006).
- Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Tài chính, & Bộ Kế hoạch và Đầu tư. *Thông tư số 65/2011/TTLT-BGDĐT-BTC-BKHĐT (2010), Thông tư liên tịch hướng dẫn thực hiện Quyết định số 85/2010/QĐ-TTg ngày 21/12/2010 của Thủ tướng Chính phủ ban hành một số chính sách hỗ trợ học sinh bán trú và trường Phổ thông dân tộc bán trú*. , (2010).
- Chính phủ. *Nghị định số 61/2006/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm 2006 về chính sách đối với nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục công tác ở trường chuyên biệt, ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn*.
- Quốc hội. *Luật Giáo dục*. , (2005).
- Quốc hội. *Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục*. , (2009).
- Văn phòng Chính phủ. *Thông báo số 295/TB-VPCP ngày 21 tháng 9 năm 2009 về Kết luận của Phó Thủ tướng Trương Vĩnh Trọng tại Hội nghị Ban chỉ đạo Tây Bắc*.

SOME SOLUTIONS TO MANAGE THE SEMI-BOARDING ETHNIC MINORITY HIGH SCHOOLS MODEL IN LANG SON PROVINCE

Ho Cong Liem^a
Luong Thi Bich Nga^b

Lang Son Department of Education and Training

^a Email: hocongliem@gmail.com

^b Email: bichngacva@gmail.com

Received: 10/3/2020

Reviewed: 15/3/2020

Revised: 20/3/2020

Accepted: 25/3/2020

Released: 31/3/2020

DOI:

<https://doi.org/10.25073/0866-773X/389>

Abstract

The semi-boarding ethnic minority high school is a specific one for special schools in difficult mountainous provinces with a high proportion of ethnic minority people. In recent years, this school model has always been concerned by the Party and the State, invested in construction. The day semi-boarding ethnic students are also supported by appropriate policies. However, the management of this school model in Lang Son province - a mountainous and border areas with difficult socio-economic conditions limitations.

The article mentions to the issues related to the governance and management of semi-boarding ethnic minority high schools, the quality of education of semi-boarding ethnic minority high schools. At the same time, proposing solutions to improve the effectiveness of the management of semi-boarding ethnic minority schools in Lang Son province in order to join hands in solving difficulties and creating the best conditions for teachers and students in ethnic areas, improving the quality of teaching and learning.

Keywords

Solutions; Administration; School administration; Administration of semi-boarding ethnic minority high schools.